

# ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VIỆT NAM

- Các đặc trưng khí hậu ở một số vùng

Đặc trưng khí hậu	Hà Nội $\varphi = 21^{\circ}02$ $\lambda = 105^{\circ}40$ Đ	TP HCM $\varphi = 10^{\circ}47$ $\lambda = 106^{\circ}40$ Đ	Phnompênh $\varphi = 11^{\circ}33$ $\lambda = 104^{\circ}51$ Đ	Vientiant $\varphi = 18^{\circ}00$ $\lambda = 102^{\circ}34$ Đ
Tổng nhiệt độ ( $^{\circ}\text{C}$ )	8.560	10.000	10.000	9.250
Q ( $\text{Kcal}/\text{cm}^2/\text{năm}$ )	111,3	136,4	155,3	140,5
B ( $\text{Kcal}/\text{cm}^2/\text{năm}$ )	85,8	111,2	88,9	76,5
Nhiệt độ TBình năm ( $^{\circ}\text{C}$ )	23,4	27,6	28,0	25,7
Số tháng $t > 25^{\circ}\text{C}$	5	12	12	7
Số tháng $t < 20^{\circ}\text{C}$	3	0	0	0
N. độ tháng lạnh nhất ( $^{\circ}\text{C}$ )	16,6	26,2	26,4	21,7
N. độ tháng nóng nhất ( $^{\circ}\text{C}$ )	28,8	29,8	29,8	28,5
Lượng mưa năm (mm)	1.600	1.984	1.400	1.670
Mùa mưa	V-X	V-X	V-X	V-X
Độ ẩm TB (%)	84	82	73	80

Ghi chú: Q: Bức xạ tổng công ( $\text{Kcal}/\text{cm}^2/\text{năm}$ ); B. Cán cân bức xạ ( $\text{Kcal}/\text{cm}^2/\text{năm}$ )

- Tổng lượng bức xạ ở một số vùng (Kcal/cm<sup>2</sup>/tháng)

Địa điểm	Tháng											
	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Cao Bằng	5,8	5,9	8,1	10,5	14,0	13,8	15,8	15,6	13,4	11,1	8,3	7,4
Sa Pa	5,0	5,6	8,5	11,7	10,4	11,6	5,4	8,1	5,4	4,9	3,4	6,0
Hà Nội	5,6	5,2	6,2	8,6	14,2	14,1	15,2	13,8	12,5	10,8	8,7	7,9
Phù Liên	5,6	4,2	4,5	7,1	12,9	12,7	14,6	12,7	11,4	10,7	9,4	8,0
Thanh Hoá	5,4	4,8	5,7	8,3	15,1	14,1	16,3	13,2	11,3	9,1	7,6	7,6
Sơn La	7,7	8,7	11,2	12,0	13,4	12,4	12,7	12,5	12,3	11,5	9,8	8,4
Vinh	4,7	3,7	5,3	8,6	13,6	13,7	15,1	12,7	10,2	8,2	5,2	5,2
Đà Nẵng	9,2	10,3	13,8	14,9	17,0	15,3	17,3	15,1	13,3	11,1	7,8	6,6
Play -cu	15,5	16,6	19,7	14,8	16,4	11,7	12,3	9,1	11,6	12,3	14,2	14,4
<b>TP.HCM</b>	<b>13,6</b>	<b>15,2</b>	<b>17,6</b>	<b>14,8</b>	<b>13,4</b>	<b>12,6</b>	<b>13,6</b>	<b>13,2</b>	<b>12,5</b>	<b>12,0</b>	<b>11,2</b>	<b>12,3</b>
Cần Thơ	12,8	13,3	15,7	14,4	12,1	10,9	12,3	11,2	10,8	10,5	10,8	11,8

- Nhiệt độ không khí trung bình các tháng (°C)**

Địa điểm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lai châu	17.2	18.8	21.8	24.7	26.4	26.5	26.5	26.6	26.0	23.8	20.5	17.3
Điện biên	15.7	17.6	20.7	23.6	25.3	25.9	25.7	25.4	24.6	22.4	19.1	15.8
Sơn la	14.6	16.5	20.0	22.8	24.7	25.1	25.0	24.6	23.7	21.7	18.2	15.0
Sa pa	8.5	9.9	13.9	17.0	18.3	19.6	19.8	19.5	18.1	15.6	12.4	9.5
Cao bằng	14.0	14.9	19.0	22.9	26.0	27.0	27.3	26.8	25.5	22.7	18.7	15.0
Móng cái	15.1	15.7	18.8	23.2	26.0	28.4	28.1	27.8	27.1	24.4	20.6	17.1
Ha nội	16.4	17.0	20.2	23.7	27.3	28.8	28.9	28.2	27.2	24.6	21.4	18.2
Thanh hoá	17.0	17.3	19.8	23.5	27.2	28.9	29.0	28.2	26.4	24.5	22.4	18.6
Vinh	17.6	17.9	20.3	24.1	27.7	29.2	29.6	28.7	26.8	24.4	21.6	18.9
Huế	20.0	20.9	23.1	26.0	28.3	29.3	29.4	28.9	27.1	25.1	23.1	20.8
Đà nẵng	21.3	22.4	24.1	26.2	28.2	29.2	29.1	28.8	27.3	25.7	24.0	21.9
Pleiku	19.0	20.7	22.7	24.0	24.0	23.0	22.4	22.2	22.3	21.7	20.7	19.3
BM. thuật	21.1	22.7	24.7	26.1	25.8	24.8	24.3	24.2	23.9	23.5	22.5	21.2
Đà lạt	16.4	17.4	18.3	19.2	19.7	19.4	18.9	18.9	18.8	18.4	17.6	16.7
Nha hồ	24.6	25.8	27.2	28.4	28.7	28.7	28.6	29.0	27.3	26.6	25.9	24.6
TP.HCM	25.8	26.7	27.9	28.9	28.3	27.5	27.1	27.1	26.8	26.7	26.4	25.7
Tây ninh	25.4	26.9	28.2	28.8	28.2	27.2	26.8	26.8	26.7	26.4	26.1	25.2
Cà mau	25.1	25.8	26.8	27.9	27.7	27.3	27.1	27.0	26.9	26.7	26.3	25.5

- **Ấm độ không khí trung bình ở một số nơi (%)**

<i>Địa điểm</i>	<i>I</i>	<i>II</i>	<i>III</i>	<i>IV</i>	<i>V</i>	<i>VI</i>	<i>VII</i>	<i>VIII</i>	<i>IX</i>	<i>X</i>	<i>XI</i>	<i>XII</i>
Cao Bằng	79	79	80	80	79	82	84	86	83	81	81	80
Lạng Sơn	78	81	84	83	81	82	84	85	84	80	78	78
Móng Cái	79	83	87	87	85	86	86	86	82	78	76	76
Hà Giang	85	84	83	82	81	84	85	86	84	83	84	85
T Nguyên	80	82	85	86	82	83	83	86	83	81	79	78
Việt Trì	84	85	86	86	82	82	81	85	84	82	81	81
Hà Nội	83	85	87	87	84	83	84	86	85	82	81	81
Điện Biên	83	80	78	80	81	85	86	87	86	85	84	84
Sơn La	79	76	73	75	78	84	85	87	85	83	81	80
Hoà Bình	84	85	85	84	82	83	84	86	86	82	84	83
Thanh Hoá	86	88	90	88	84	82	81	85	86	84	83	83
Vinh	89	91	91	88	82	76	74	80	87	86	89	89
Đồng Hới	88	89	90	87	80	73	71	75	84	86	87	86
Huế	88	89	86	82	77	89	73	74	82	86	88	88
Kon Tum	71	68	67	73	80	85	86	87	87	82	77	74
BM Thuật	78	74	71	73	81	85	87	87	88	87	85	82
TP. HC M	72	70	70	72	79	82	83	83	85	84	80	77
Đà Lạt	80	77	77	82	87	88	89	89	88	87	85	83

- **Một số trung tâm có lượng mưa lớn:**

1. Huyện Bắc Quang: lượng mưa hằng năm là 4802 mm/năm.

Đây là trung tâm mưa lớn nhất miền Bắc

2. Hoàng Liên Sơn lượng mưa trên 3.000 mm/năm.

3. Vùng núi Pu Si Lung (Sông Đà) lượng mưa trên 3.000 mm/năm.

4. Vùng núi Nam Châu Lãn (Quảng Ninh) lượng mưa trung bình 3.000 mm/năm; năm mưa cực đại lên đến 5.797 mm/năm.

5. Hoàng Sơn và Bắc Đèo Ngang (Kỳ Anh) lượng mưa trên 3.000 mm/năm.

6. Hải Vân trên 4.000 mm/năm.
7. Bà Nà (Đà Nang) trên 5000 mm/năm
8. Trà Mi, Ba Tơ (sông Thu Bồn), Trà Khúc, Hà Giao 3.000-4.000 mm/năm.
9. Sông Hinh trên 3.000 mm/năm; Trung lưu sông Đông Nai trên 3.000 mm/năm;
10. Phú Quốc trên 3.000 mm/năm.

- **Những trung tâm ít mưa:**

1. Thung lũng Mườn Xén (Nghệ An) lượng mưa từ 800-1.000 mm/năm.

2. Thung lũng sông Mã (Tây Bắc) 1.000 - 1.200 mm/năm.

3. Vùng Yên Châu lượng mưa dưới 1.200 mm/năm

4. Vùng Lạng Sơn 1 300 mm/năm

5. Trung tâm ít mưa Nha Hô (Ninh Thuận) 700-800 mm/năm



6. Trung tâm Phan Rang, Phan Rí 700 mm/năm
7. Ven biển Khánh Hòa (Đèo Cả đến Mũi Dinh) lượng mưa dưới 1.200 mm/năm
8. Thung lũng sông Đà Rang 1.300 - 1.500 mm/năm
9. Gò Công 1.170 mm/năm, Vũng Tàu 1.293 mm/năm.

6. Trung tâm Phan Rang, Phan Rí 700 mm/năm
7. Ven biển Khánh Hòa (Đèo Cả đến Mũi Dinh) lượng mưa dưới 1.200 mm/năm
8. Thung lũng sông Đà Rang 1.300 - 1.500 mm/năm
9. Gò Công 1.170 mm/năm, Vũng Tàu 1.293 mm/năm.

# ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU ĐÀ LẠT

## • ĐỊA HÌNH ĐÀ LẠT

- Phía bắc là ngọn núi Langbian cao 2.167 m
  - Phía Tây và phía Nam là dãy núi Voi cao 1.756 m
  - Phía Đông Bắc thì có ngọn Lap-Bé Nord cao 1.732 m
  - Phía Đông ngọn Dan-se-na 1.600 m
- => do ảnh hưởng của địa hình nên Đà Lạt thừa hưởng một chế độ nhiệt thật ôn hòa dịu mát quanh năm

- Tuy vậy khí hậu Đà Lạt vẫn mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa (thuộc vùng cao). Bức xạ dồi dào, lượng mưa phong phú (1600 – 1800 mm) nhưng phân bố không đều, tập trung chủ yếu vào mùa hè, mùa đông khô hạn.
- Do địa hình phân hóa mạnh, mật độ khác nhau nhiều. Vì vậy, sự chênh lệch tiểu khí hậu tương đối lớn

- Tổng diện tích khoảng 39.050 ha, trong đó chỉ có 3600 ha dành cho nông nghiệp.
- Với điều kiện đất đai và khí hậu thích hợp nên phần lớn diện tích trồng trọt ở đây là trồng rau.

- **CÁC MÙA TRONG NĂM**

- **Mùa khô : Tháng 11 – tháng 3**

- **Thời tiết** tương đối ổn định và khô, đây là thời kỳ có thời tiết đẹp nhất trong năm

- Ban ngày nắng ấm, nhiệt độ hạ thấp chủ yếu về đêm do bức xạ của mặt đất

- **Mùa mưa:** từ tháng 4 đến tháng 10

- Nhiệt độ tăng nhanh, trời ẩm nóng hẳn lên
- Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 5 ở Đà Lạt chủ yếu là mưa vào buổi chiều do ảnh hưởng của gió Đông hay Đông Nam
- Từ tháng 6 trở đi do ảnh hưởng của hệ thống gió mùa Tây Nam, tần suất xuất hiện mưa vào buổi chiều giảm nhiều đồng thời, thời gian mưa vào buổi sáng và đêm tăng lên

- **Bức xạ, mây và nắng**

- Độ dài ngày giữa các mùa không chênh lệch nhau nhiều. Giờ chiếu sáng trong ngày từ tháng 4 đến tháng 9 trên 12 giờ, những tháng khác trên dưới 11 giờ 30. Đà Lạt thuộc vào nơi ngày ngắn

- => Thích hợp với các giống cây trồng có quang kỳ ngắn hoặc trung. Đối với những cây quang kỳ dài đưa vào Đà Lạt sẽ có hiện tượng ra hoa sớm năng suất kém.



- Tổng xạ đạt cực đại trong năm vào tháng 3 (16,4 Kcal/cm<sup>2</sup> tháng) và cực tiểu vào tháng 9 (9,3 Kcal/cm<sup>2</sup> tháng)
- Cân bằng bức xạ trong năm bao giờ cũng dương do bức xạ thu nhập trong tất cả các mùa đều lớn hơn nhiều so với bức xạ hữu hiệu.
- So với thành phố Hồ Chí Minh cân cân bức xạ năm của Đà Lạt bé hơn nhưng lớn hơn Hà Nội. Đây là nhân tố quan trọng để đạt năng suất cao của cây trồng

- Số giờ nắng các tháng trong mùa mưa, do lượng mây nhiều nên số giờ nắng ít. Tháng 7 là tháng có số giờ nắng ít nhất (121 giờ)
- Số giờ nắng tăng nhanh sau mùa mưa, tháng 3 là tháng có số giờ nắng nhiều nhất (288 giờ).

- **Gió**

- Vì địa hình cao nên việc phân tích, đánh giá về gió rất có ý nghĩa trong sản xuất nông nghiệp như: bố trí thời vụ và địa điểm gieo trồng thích hợp, tránh được những thời kỳ và những hướng có gió lớn ...

- Tốc độ gió trung bình trong năm dao động từ 2,8 m/s - 6,2 m/s, lớn nhất vào tháng 11, nhỏ nhất vào tháng giêng.

- **Chế độ nhiệt**

- Nhiệt độ trung bình ngày luôn luôn dưới 20°C.
- Sự biến động của nhiệt độ qua các năm không lớn  
=> tính ổn định của chế độ nhiệt ở khá.

## - Biên độ nhiệt độ ngày

- Vào mùa khô, biên độ nhiệt độ ngày lớn và thay đổi theo các tháng

Tháng											
I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
10,8	12,7	12,3	11,2	8,2	7,1	6,4	6,6	6,9	7,6	7,7	8,5

- Tuy nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, nhưng do chịu ảnh hưởng của độ cao địa hình, nên Đà Lạt không thể thỏa mãn được yêu cầu về nhiệt đới với sự sinh trưởng của cây trồng ở giới hạn 20°C trở lên
- Tuy nhiên, với điều kiện nhiệt độ như trên so với yêu cầu nhiệt của một số cây ăn trái ôn đới thì lại có phần không thỏa mãn được

- Tóm lại

- Do chịu phối bởi độ cao địa hình, nhiệt độ trung bình ngày trong năm dao động từ 15 - 19°C.
- Điều kiện nhiệt căn bản không thỏa mãn yêu cầu đối với sự sinh trưởng, phát dục của các cây trồng ở giới hạn 20°C trở lên
- Nhiệt độ ổn định qua các mùa, biên độ năm chỉ khoảng 4°C
- Trong mùa khô, tháng 2 - tháng 4. bức xạ mặt trời dồi dào với nhiệt độ ban ngày trên dưới 20°C, đây là điều kiện quang hợp tốt của cây trồng.

- Về đêm nhiệt độ thấp hạn chế cường độ hô hấp.  
Do vậy ở thời gian này rất có lợi cho việc tích lũy vật chất, tạo điều kiện để đạt năng suất cao của cây trồng
- Sương muối chủ yếu xảy ra vào tháng giêng tháng 2, tháng 3 còn khả năng xảy ra sương muối nhưng nhẹ
- Sự biến đổi của nhiệt độ trong ngày thấp và thời tiết mát dịu, nhất là trong mùa khô thích hợp cho việc nghỉ dưỡng

- **Chế độ mưa**

- **Lượng mưa tháng**

- Đánh giá ảnh hưởng của mưa đến sản xuất nông nghiệp không thể chỉ xét đến tổng lượng mưa năm mà điều quan trọng hơn, là lượng mưa phân bổ trong các mùa có đều không
- Lượng mưa lớn nhất tập trung vào tháng 9 và đầu tháng 10. Các tháng 12, tháng giêng và tháng 2, lượng mưa tuần hầu như không đáng kể.
- Số ngày mưa trong năm ở Đà Lạt **110 - 160** ngày

- Tóm lại chế độ mưa ở Đà Lạt có những đặc điểm sau

- Lượng mưa thuộc loại trung bình so với các nơi khác ở miền Nam

- Lượng mưa phân bố rất không đều trong năm. Lượng mưa của các tháng mùa mưa chiếm 93% tổng lượng mưa năm
- Mùa mưa kéo dài 7 tháng, bắt đầu vào tháng 4 và kết thúc vào tháng 11
- Hai tháng đầu mùa mưa (4,5) thời gian mưa trong các ngày chủ yếu là buổi chiều, thường là những trận mưa dông
- Tháng 9 có lượng mưa lớn nhất trong năm, thường tập trung những trận mưa có cường độ lớn nên hay gây ra xói mòn, lũ lớn ở vào thời gian này



- Độ ẩm tương đối của không khí
  - Độ ẩm tương đối của không khí trong các tháng mùa mưa ở Đà Lạt khá cao (86 - 91%). Tháng 7,8 và tháng 9 có độ ẩm lớn nhất (trên dưới 90%). Các mùa khô từ 75 - 85%.